

Số: 125/CNNT

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 02 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

- Mã chứng khoán: NNT

- Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Điện thoại liên hệ: 0919.854.384

- Email: thuhoaniwaco@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/02/2025 tại đường dẫn:

<https://www.capnuocninhthuan.com/QuanHeCoDong.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
GIÁM ĐỐC



Đinh Ân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

C. M.
T
BINH

02
CÔNG
CƠ P
ÁP
NH
B-T

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch
Ông Đinh Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên
Ông Phan Thành Phong	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 05 năm 2024)
Ông Hồ Huy Vũ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 05 năm 2024)
Ông Đinh Việt Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 05 năm 2024)
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 05 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Đinh Ân	Giám đốc
Ông Đinh Việt Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Thành viên
Ông Phạm Nguyên Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 05 năm 2024)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đinh Ân – Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Đình Ân
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 25 tháng 02 năm 2025



Số: 012 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:
Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 02 năm 2025 từ trang 05 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 06, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, khoản công nợ phải thu của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 liên quan đến khoản nợ theo Quyết định số 09/2024/QĐST-KDTM ngày 09/9/2024 của Tòa án Nhân dân Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bao gồm vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, với Báo cáo kiểm toán số 3.0085/24/TC-AC ngày 13 tháng 03 năm 2024 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến thuyết minh về Khoản phải thu của Công ty.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4262-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		271.795.280.805	249.500.386.361
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	71.100.355.958	11.092.349.111
1. Tiền	111		15.600.355.958	11.092.349.111
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		169.821.000.000	197.525.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	169.821.000.000	197.525.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.149.093.404	29.945.577.714
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.932.818.854	15.445.386.019
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.858.894	24.300.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	16.146.338.531	17.657.281.774
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(969.922.875)	(3.181.390.079)
IV. Hàng tồn kho	140	9	5.860.533.398	5.607.321.163
1. Hàng tồn kho	141		5.860.533.398	5.607.321.163
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.864.298.045	5.330.138.373
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	305.414.867	356.066.314
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	2.558.883.178	4.974.072.059
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.539.244.922	130.809.868.771
I. Tài sản cố định	220		83.523.775.317	100.551.247.376
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	83.400.620.285	100.551.247.376
- Nguyên giá	222		483.010.098.325	477.669.940.443
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(399.609.478.040)	(377.118.693.067)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	123.155.032	-
- Nguyên giá	228		2.984.578.363	2.832.118.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.861.423.331)	(2.832.118.363)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.530.976.161	25.790.067.241
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	25.530.976.161	25.790.067.241
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.484.493.444	4.468.554.154
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.484.493.444	4.468.554.154
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		385.334.525.727	380.310.255.132

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		100.976.528.301	114.623.006.237
I. Nợ ngắn hạn	310		48.880.526.907	48.065.052.056
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	5.485.967.514	5.848.882.243
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		30.380.834	259.009.976
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	1.750.757.313	-
4. Phải trả người lao động	314		3.960.383.050	2.888.117.097
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	556.337.787	600.876.235
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	16.242.176.483	19.849.540.960
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	13.436.095.028	14.290.159.125
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.418.428.898	4.328.466.420
II. Nợ dài hạn	330		52.096.001.394	66.557.954.181
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		609.089	609.089
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	18.505.154.749	19.531.012.508
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	33.590.237.556	47.026.332.584
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		284.357.997.426	265.687.248.895
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	284.357.997.426	265.687.248.895
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.908.414.916	94.908.414.916
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.908.414.916	94.908.414.916
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.965.140.000	1.965.140.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		98.047.060.546	76.437.523.720
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.437.381.964	92.376.170.259
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		14.873.208.041	21.364.380.838
- LNST chưa PP năm nay	421b		74.564.173.923	71.011.789.421
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		385.334.525.727	380.310.255.132



Đinh Ân
Giám đốc
Ninh Thuận, ngày 25 tháng 02 năm 2025

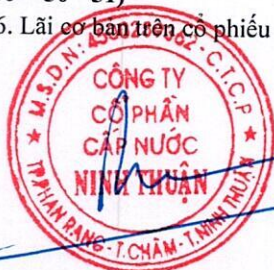
Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	213.748.260.773	200.538.154.524
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	20	213.748.260.773	200.538.154.524
3. Giá vốn hàng bán	11	21	121.900.015.909	118.909.605.853
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		91.848.244.864	81.628.548.671
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	10.554.028.333	12.708.158.756
6. Chi phí tài chính	22	24	3.433.350.792	4.335.722.743
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.433.350.792	4.335.722.743
7. Chi phí bán hàng	25	25	5.050.541.065	4.727.454.666
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	7.478.749.693	4.878.953.202
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - (25 + 26))	30		86.439.631.647	80.394.576.816
10. Thu nhập khác	31	26	3.940.859.913	913.660.045
11. Chi phí khác	32	27	1.818.054.714	212.840.021
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.122.805.199	700.820.024
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		88.562.436.846	81.095.396.840
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	10.138.262.923	9.063.607.419
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		78.424.173.923	72.031.789.421
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	6.979	6.293



Đinh Ân
Giám đốc
Ninh Thuận, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	01	88.562.436.846	81.095.396.840
- Các khoản dự phòng	02	22.646.064.668	24.921.591.160
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	03	(2.211.467.204)	(4.373.987.142)
- Chi phí lãi vay	05	(10.055.713.731)	(11.215.551.810)
- Chi phí lãi vay	06	3.433.350.792	4.335.722.743
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	102.374.671.371	94.763.171.791
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	11.709.019.035	3.950.054.247
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(2.326.045.507)	735.111.665
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.893.967.217)	4.809.881.457
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	34.712.157	(217.812.408)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.509.214.246)	(4.420.269.404)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.908.526.269)	(11.489.494.426)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.980.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.056.510.214)	(9.369.793.331)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	83.424.139.110	78.763.829.591
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.967.015.529)	(9.936.852.769)
2. Tiền chi cho vay	23	(169.821.000.000)	(199.525.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	197.525.000.000	169.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.769.835.091	11.077.603.799
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	35.506.819.562	(29.384.248.970)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.290.159.125)	(15.144.245.028)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.632.792.700)	(34.190.527.872)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(58.922.951.825)	(49.334.772.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	60.008.006.847	44.807.721
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.092.349.111	11.047.541.390
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	71.100.355.958	11.092.349.111

Đinh Ân
Giám đốc
Ninh Thuận, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty Cấp nước Ninh Thuận theo Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4303000061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 16 tháng 09 năm 2008 và thay đổi lần thứ năm theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 24 tháng 10 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, TP Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 268 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 268 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật mạng lưới cấp nước; Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế công trình cấp, thoát nước; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Thi công lắp đặt đường ống cấp nước.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch, khảo sát, thiết kế và lắp đặt các mạng lưới và đường ống cấp nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



4885
HI NH
PHỐ H
ÔNG
HIỆM
EM T
AC
- T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phần mềm máy tính	03
Tài sản cố định vô hình khác	03-25

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với Chính sách Kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa đường ống, chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành của Công ty.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm tài chính đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 26/5/2015 của Bộ Tài chính: thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa). Công ty đáp ứng các điều kiện hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, Vì vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận	Cổ đông
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	396.610.000	142.166.500
Tiền gửi ngân hàng	15.203.745.958	10.950.182.611
Các khoản tương đương tiền	55.500.000.000	-
Cộng	<u>71.100.355.958</u>	<u>11.092.349.111</u>

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (i)	5.680.315.722	14.083.400.972
- Tiền nước	5.050.548.542	13.063.464.486
- Tiền lãi chậm thanh toán	629.767.180	1.019.936.486
Khách hàng dùng nước	1.058.188.222	1.173.355.587
Các đối tượng khác	194.314.910	188.629.460
Cộng	<u>6.932.818.854</u>	<u>15.445.386.019</u>

- (i) Theo Quyết định số 09/2024/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2024, Tòa án Nhân dân Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giải quyết toàn bộ vụ kiện kinh doanh thương mại giữa Công ty và Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải ("Đông Mỹ Hải"). Theo đó, Đông Mỹ Hải đã chấp thuận phải thanh toán cho Công ty với tổng số tiền là 7.011.647.922 VND (bao gồm tiền nước còn nợ đến kỳ tháng 6/2024 và tiền lãi chậm thanh toán tính đến tháng 8/2024). Tại ngày 31/12/2024, Đông Mỹ Hải còn nợ chưa thanh toán theo Quyết định số 09/2024/QĐST-KDTM là 4.671.647.922 VND.

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải - Bên liên quan	-	-	-	-
Tiền lãi chậm thanh toán - Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải -	402.276.457	201.138.228	201.138.229	6.845.282.586
Khách hàng dùng nước	764.417.016	90.949.931	673.467.085	229.299.149
Các khách hàng khác	95.317.561	-	95.317.561	753.295.541
Cộng	1.262.011.034	292.088.159	969.922.875	7.923.194.837
				4.741.804.758
				3.181.390.079

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Năm nay VND	Năm trước VND
3.181.390.079	7.555.377.221
(2.211.467.204)	(4.373.987.142)
969.922.875	3.181.390.079

Tại ngày đầu năm
Hoàn nhập dự phòng trong năm
Tại ngày cuối năm



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬNSố 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh,
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận**MÁU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (i)	13.028.161.367		13.028.161.367	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	105.491.849		91.403.249	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.644.741.730		3.358.863.090	
Tạm ứng	-		18.043.000	
Phải thu khác	367.943.585		1.160.811.068	
Cộng	16.146.338.531		17.657.281.774	

- (i) Đây là phần tiền đối ứng của Công ty chuyển cho Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận để thực hiện công trình Hệ thống cấp nước Cà Ná. Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận thực hiện quyết toán (Xem thêm Thuyết minh số 17).

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.371.138.440	-	5.117.926.205	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	489.394.958	-	489.394.958	-
Cộng	5.860.533.398	-	5.607.321.163	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬNSố 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh,
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận**MÃU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	97.237.289	91.787.751
Chi phí sửa chữa đường ống, tài sản khác	85.685.700	65.641.226
Chi phí khác	122.491.878	198.637.337
Cộng	<u>305.414.867</u>	<u>356.066.314</u>
b) Dài hạn		
Chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí	3.304.456.257	3.267.173.108
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	398.937.073	343.216.512
Chi phí sửa chữa tài sản khác	781.100.114	858.164.534
Cộng	<u>4.484.493.444</u>	<u>4.468.554.154</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Số phải nộp trong năm</u> VND	<u>Số đã thực nộp trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	582.056.408	6.226.925.608	6.342.030.952	697.161.752
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.478.979.341	8.387.505.610	5.908.526.269	-
Thuế thu nhập cá nhân	66.731.260	633.958.235	593.923.635	26.696.660
Thuế tài nguyên, cấp quyền khai thác tài nguyên nước	97.006.120	893.670.520	892.727.100	96.062.700
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	942.754	24.501.295	24.212.849	654.308
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	1.748.356.176	2.434.515.949	2.424.467.531	1.738.307.758
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	-	7.299.344	7.299.344	-
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	<u>4.974.072.059</u>	<u>18.617.376.561</u>	<u>16.202.187.680</u>	<u>2.558.883.178</u>
b) Các khoản phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.750.757.313	-	1.750.757.313
Cộng	<u>-</u>	<u>1.750.757.313</u>	<u>-</u>	<u>1.750.757.313</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Số dư đầu năm	65.175.384.642	38.043.514.833	372.522.768.608	1.374.997.650	553.274.710	477.669.940.443					
- Mua trong năm	-	236.367.037	-	-	-	236.367.037					
- Tặng từ XDCB hoàn thành	1.050.994.494	2.458.086.571	45.593.792	1.676.621.614	-	5.231.296.471					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(32.702.000)	-	(93.272.727)	-	(125.974.727)					
- Giảm theo giá trị quyết toán	-	-	(1.530.899)	-	-	(1.530.899)					
Số dư cuối năm	66.226.379.136	40.705.266.441	372.566.831.501	2.958.346.537	553.274.710	483.010.098.325					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Số dư đầu năm	43.946.309.380	29.798.514.121	301.810.527.771	1.010.067.085	553.274.710	377.118.693.067					
- Khấu hao trong năm	4.230.142.587	2.023.237.991	16.045.999.737	317.379.385	-	22.616.759.700					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(32.702.000)	-	(93.272.727)	-	(125.974.727)					
Số dư cuối năm	48.176.451.967	31.789.050.112	317.856.527.508	1.234.173.743	553.274.710	399.609.478.040					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày đầu năm	21.229.075.262	8.245.000.712	70.712.240.837	364.930.565	-	100.551.247.376					
Tại ngày cuối năm	18.049.927.169	8.916.216.329	54.710.303.993	1.724.172.794	-	83.400.620.285					

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 148.815.729.145 VND (tại ngày 31/12/2023 là 120.379.182.684 VND) và nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 13.387.064.119 VND (tại ngày 31/12/2023 là 13.328.038.846 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Quyền khai thác nước mặt	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.817.072.000	466.500.000	548.546.363	2.832.118.363
- Mua trong năm	-	152.460.000	-	152.460.000
Số dư cuối năm	1.817.072.000	618.960.000	548.546.363	2.984.578.363
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.817.072.000	466.500.000	548.546.363	2.832.118.363
- Khấu hao trong năm	-	29.304.968	-	29.304.968
Số dư cuối năm	1.817.072.000	495.804.968	548.546.363	2.861.423.331
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	123.155.032	-	123.155.032

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 2.683.294.363 VND (tại ngày 31/12/2023 là 2.683.294.363 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 148.824.000 VND (tại ngày 31/12/2023 là 148.824.000 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trạm bơm tăng áp Phan Rang số 02, công suất 36.000 m3/ngày đêm	19.000.825.502	18.715.281.311
Nâng công suất Nhà máy nước Tháp Chàm	6.065.907.781	6.017.967.781
Di dời đường ống cấp nước hiện hữu thuộc dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải	-	591.228.668
Các công trình khác	464.242.878	465.589.481
Cộng	25.530.976.161	25.790.067.241

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận - Bên liên quan	-	-	3.420.000	3.420.000
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	2.037.885.300	2.037.885.300	2.003.236.200	2.003.236.200
Nhà Máy Hóa Chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản Miền Nam	571.959.499	571.959.499	148.716.000	148.716.000
Các đối tượng khác	2.876.122.715	2.876.122.715	3.693.510.043	3.693.510.043
Cộng	5.485.967.514	5.485.967.514	5.848.882.243	5.848.882.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	235.131.675	310.995.129
Chi phí nhiên liệu	125.112.400	123.905.300
Chi phí khác	196.093.712	165.975.806
Cộng	<u>556.337.787</u>	<u>600.876.235</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Khoản đền bù di dời tuyến ống cấp nước hai bên đường Vĩnh Hy – Ninh Chữ (i)	12.643.420.000	12.643.420.000
Khoản đền bù di dời đường ống cấp nước hiện hữu thuộc Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải	-	4.492.833.038
Nhận ký quỹ, ký cược	1.960.022.443	1.456.072.443
Dịch vụ thoát nước	764.078.056	545.798.390
Phí bảo vệ môi trường rừng	304.588.492	290.957.212
Cổ tức phải trả	84.365.161	110.205.161
Các khoản phải trả khác	485.702.331	310.254.716
Cộng	<u>16.242.176.483</u>	<u>19.849.540.960</u>
b) Dài hạn		
Ban Quản lý dự án Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (ii)	18.505.154.749	19.531.012.508
Cộng	<u>18.505.154.749</u>	<u>19.531.012.508</u>

(i) Đây là khoản tiền nhận hỗ trợ di dời tuyến ống nước dọc hai bên bờ Vĩnh Hy – Ninh Chữ (thuộc dự án ven biển tỉnh Ninh Thuận) với số tiền 12.643.420.000 VND theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

(ii) Căn cứ theo Công văn số 4773/UBND-KT ngày 09/11/2007 của UBND tỉnh Ninh Thuận, Công ty đã ban hành Quyết định số 16/QĐ/CTCPCN ngày 10/3/2009 thành lập Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4-Ninh Thuận để thực hiện Dự án phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực miền Trung, tiểu dự án tỉnh Ninh Thuận. Trong thời gian thực hiện Dự án, Công ty đã chuyển tiền đối ứng cho Ban QLDA Cấp thoát nước đô thị ADB4- Ninh Thuận để thực hiện công trình là 13.028.161.367 VND (Xem thuyết minh số 08).

Giá trị tài sản của Dự án này (phần cấp nước) được Công ty tạm ghi tăng tài sản theo hồ sơ quyết toán công trình xác nhận thanh toán cuối cùng ngày 27/06/2014 với số tiền 46.866.616.290 VND. Theo công văn số 2153/UBND-KTTH ngày 06/05/2021, công văn số 4903/UBND ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận; công văn 3634/STC-VP ngày 19/09/2023 và công văn số 1372/STC-VP ngày 09/04/2024 của Sở tài chính tỉnh Ninh Thuận, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền đã trích khấu hao của dự án. Tổng số tiền đã nộp đến ngày 31/12/2024 là 28.361.461.541 VND (trong đó số tiền đã tạm nộp trong các năm 2021, 2022, 2023 và 2024 tương ứng lần lượt là 14.000.000.000 VND, 11.796.817.143 VND, 1.538.786.639 VND và 1.025.857.759 VND). Phần chênh lệch giữa giá trị tài sản tạm ghi tăng và số tiền tạm nộp tại ngày 31/12/2024 là 18.505.154.749 VND (tại ngày 31/12/2023 là 19.531.012.508 VND)

Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị - Ninh Thuận thực hiện quyết toán. Giá trị tài sản cũng như khoản phải thu và phải trả Ban QLDA cấp thoát nước đô thị- Ninh Thuận sẽ được điều chỉnh theo hồ sơ quyết toán chính thức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Nguồn vốn ADB (i)	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028
Nguồn vốn AFD (ii)	854.064.097	854.064.097	-	854.064.097	-	-
<i>b) Vay dài hạn</i>						
Nguồn vốn ADB (i)	47.026.332.584	47.026.332.584	-	13.436.095.028	33.590.237.556	33.590.237.556
	47.026.332.584	47.026.332.584	-	13.436.095.028	33.590.237.556	33.590.237.556
Cộng	61.316.491.709	61.316.491.709	13.436.095.028	27.726.254.153	47.026.332.584	47.026.332.584

- (i) Khoản vay vốn ADB là khoản vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ 3 – ADB 3 ngày 26/7/2002, Bộ Tài chính cho Công ty vay lại khoản vay bằng VND tương đương với 11.836.000 USD; với thời hạn vay là 22 năm; trong đó có 06 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của Dự án. Trong thời kỳ ân hạn, lãi của khoản vay sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm. Khoản vay được chia làm 32 kỳ trả nợ, trong đó kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 01/12/2012. Hiện tại Ngân hàng đang áp dụng mức lãi suất cho vay là 5,8% và 0,2% phí quản lý.
- (ii) Khoản vay vốn AFD là khoản vay vốn theo Hợp đồng Tín dụng vốn ODA số 01/2003/TDNN ngày 28/5/2003 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2011/PL-TDNN ngày 15/9/2011 với Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Ninh Thuận. Công ty vay từ nguồn vốn AFD để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn. Tổng số vốn vay là 18.943.147.000 VND, lãi suất đi vay 5,8%/năm kèm theo phí phải trả Ngân hàng là 0,2%/năm; Thời hạn vay 22 năm trong đó có 09 năm ân hạn bắt đầu từ ngày ký Hiệp định vay vốn 02/4/2002. Trong thời kỳ ân hạn, các khoản lãi phát sinh sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/5 và 01/11 hàng năm. Khoản vay được chia làm 26 kỳ trả nợ, kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 31/10/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.436.095.028	14.290.159.125
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	33.590.237.556	47.026.332.584
	47.026.332.584	61.316.491.709
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn)	13.436.095.028	14.290.159.125
Số phải trả sau 12 tháng	<u>33.590.237.556</u>	<u>47.026.332.584</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	94.908.414.916	1.965.140.000	58.639.647.492	83.440.034.616	238.953.237.024
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	72.031.789.421	72.031.789.421
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	17.828.675.005	(17.828.675.005)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2022	-	-	-	(10.084.985.789)	(10.084.985.789)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2023	-	-	-	(1.020.000.000)	(1.020.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(34.167.027.600)	(34.167.027.600)
Điều chỉnh trích quỹ do điều chỉnh lợi nhuận từ năm 2018 đến năm 2021	-	-	(30.798.777)	5.034.616	(25.764.161)
Số dư đầu năm nay	<u>94.908.414.916</u>	<u>1.965.140.000</u>	<u>76.437.523.720</u>	<u>92.376.170.259</u>	<u>265.687.248.895</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	78.424.173.923	78.424.173.923
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	21.609.536.826	(21.609.536.826)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhuận năm 2023(i)	-	-	-	(11.286.472.692)	(11.286.472.692)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2024(ii)	-	-	-	(3.860.000.000)	(3.860.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(44.606.952.700)	(44.606.952.700)
Số dư cuối năm nay	<u>94.908.414.916</u>	<u>1.965.140.000</u>	<u>98.047.060.546</u>	<u>89.437.381.964</u>	<u>284.357.997.426</u>

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 713/NQ-HĐQT ngày 22/5/2024, Công ty phân phối lợi nhuận của năm 2023 như sau:
- Trích Quỹ đầu tư phát triển là 21.609.536.826 VND.
 - Trích Quỹ khen thưởng của người lao động là 9.011.615.184 VND và Quỹ khen thưởng của viên chức quản lý là 294.857.508 VND. Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng năm 2023 để chi tiền thưởng cho người lao động và viên chức quản lý là 1.020.000.000 VND, nên số trích lập bổ sung là 11.286.472.692 VND.
 - Trích Quỹ phúc lợi là 3.000.000.000 VND.
 - Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế là 44.606.952.700 VND (Cổ tức trên mỗi cổ phần là 4.700 VND/cổ phần).
- (ii) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 695/NQ-HĐQT ngày 24/4/2024, số 36/NQ-HĐQT ngày 21/8/2024, số 55/NQ-HĐQT ngày 21/10/2024 và số 84/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng năm 2024 trên lợi nhuận của năm 2024 để chi tiền thưởng cho người lao động và viên chức quản lý Công ty với số tiền là 3.860.000.000 VND. Quyết định trích quỹ khen thưởng năm nay sẽ được trình trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 thay đổi lần thứ 5 ngày 24/10/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp, Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND. Tại ngày 31/12/2024, Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Nhà đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	49.405.554.916	52,06%	49.405.554.916	52,06%
Vốn góp của các đối tượng khác	45.502.860.000	47,94%	45.502.860.000	47,94%
- Do pháp nhân nắm giữ	42.173.960.000	44,43%	42.114.960.000	44,37%
+ Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	40.224.860.000	42,38%	40.224.860.000	42,38%
+ Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.000.000.000	1,05%	1.000.000.000	1,05%
+ Đối tượng khác	949.100.000	1,00%	890.100.000	0,94%
- Nhà đầu tư cá nhân	3.328.900.000	3,51%	3.387.900.000	3,57%
Cộng	94.908.414.916	100%	94.908.414.916	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.490.841	9.490.841
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.490.841	9.490.841
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.490.841	9.490.841
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông là 44.632.792.700 VND (năm trước là 34.190.527.872 VND).

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cấp nước	205.374.879.298	194.170.750.214
Doanh thu lắp đặt ống nước	8.373.381.475	6.367.404.310
Cộng	213.748.260.773	200.538.154.524

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	116.348.516.968	114.459.731.192
Giá vốn lắp đặt ống nước	5.551.498.941	4.449.874.661
Cộng	121.900.015.909	118.909.605.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.024.191.700	62.341.908.813
Chi phí nhân công	37.465.756.996	35.185.103.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.646.064.668	24.921.591.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.033.799.967	4.103.206.983
Chi phí dự phòng	(2.211.467.204)	(4.373.987.142)
Chi phí khác	6.470.960.540	6.338.190.451
Cộng	134.429.306.667	128.516.013.721

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.055.713.731	11.215.551.810
Lãi chậm thanh toán	498.314.602	1.492.606.946
Cộng	10.554.028.333	12.708.158.756

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.433.350.792	4.335.722.743
Cộng	3.433.350.792	4.335.722.743

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.304.891.669	870.833.419
Chi phí vật liệu, bao bì	2.878.232.218	3.150.498.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	409.428.178	389.007.676
Các khoản chi phí bán hàng khác	457.989.000	317.115.000
Cộng	5.050.541.065	4.727.454.666
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.360.181.000	2.358.860.064
Chi phí vật liệu quản lý	543.244.137	514.438.861
Chi phí khấu hao TSCĐ	548.410.130	500.831.748
Thuế, phí và lệ phí	1.287.366.635	1.221.168.875
Chi phí dự phòng	(2.211.467.204)	(4.373.987.142)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.263.968.342	986.301.333
Các khoản chi phí bằng tiền khác	3.687.046.653	3.671.339.463
Cộng	7.478.749.693	4.878.953.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập từ việc đền bù giá trị tài sản thiệt hại	553.690.392	478.833.568
Thu nhập từ bồi thường di dời các tuyến ống	2.841.253.477	-
Thu nhập từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	101.438.165	280.896.225
Thu nhập từ dịch vụ thoát nước	337.147.863	96.585.040
Thu nhập khác	107.330.016	57.345.212
Cộng	3.940.859.913	913.660.045

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên thu phí dịch vụ bảo vệ môi trường và dịch vụ thoát nước	-	164.575.400
Chi phí thực hiện di dời các tuyến ống	1.763.235.439	-
Chi phí khác	54.819.275	48.264.621
Cộng	1.818.054.714	212.840.021

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	88.562.436.846	81.095.396.840
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	450.512.936	486.540.794
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(2.211.467.204)	(4.373.987.142)
Thu nhập chịu thuế	86.801.482.578	77.207.950.492
Thu nhập tính thuế	86.801.482.578	77.207.950.492
Thu nhập chịu thuế suất 10%	72.220.335.923	63.779.826.797
Thu nhập chịu thuế suất 20%	14.581.146.655	13.428.123.695
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.138.262.923	9.063.607.419
Chi phí thuế theo thuế suất 10%	7.222.033.592	6.377.982.680
Chi phí thuế theo thuế suất 20%	2.916.229.331	2.685.624.739
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	10.138.262.923	9.063.607.419

Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xã hội hóa.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt so với lợi nhuận kế toán. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan Thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Điều chỉnh</i>	78.424.173.923	72.031.789.421
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(12.187.037.987)	(12.306.472.692)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	66.237.135.936	59.725.316.729
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.490.841	9.490.841
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>6.979</u>	<u>6.293</u>

- (i) Giá trị trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay là số tạm ước tính. Giá trị trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2025 quyết định chính thức.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 713/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 5 năm 2024, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023 với số tiền là 12.306.472.692 VND. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 6.618 VND/Cổ phiếu).

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung trong địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực cấp nước. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với các bên liên quan như đã trình bày tại Thuyết minh số 19; trong năm, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận		
Trả tiền cổ tức	23.220.608.500	17.785.998.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận		
Đã trả		
Tiền cổ tức	18.905.684.200	14.480.949.600
Mua vật tư và sử dụng dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT)	158.909.000	96.960.000
Đã thu		
Tiền đầu nối hệ thống nước (đã bao gồm thuế GTGT)	63.212.603	-

Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát

Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Chức vụ	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch	530.277.840	511.425.900
Ông Đinh Ân	Thành viên	75.074.316	75.031.200
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên	75.074.316	75.031.200
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên	29.376.909	75.031.200
Ông Đinh Viết Sơn	Thành viên	29.376.909	75.031.200
Ông Phan Thành Phong	Thành viên	45.697.407	-
Ông Hồ Huy Vũ	Thành viên	45.697.407	-
Ban Giám đốc			
Ông Đinh Ân	Giám đốc	508.105.332	490.675.432
Ông Đinh Viết Sơn	Phó Giám đốc	452.117.380	423.850.496
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Giám đốc	432.306.380	420.218.196
Ban kiểm soát			
Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng ban	447.893.220	431.731.536
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Thành viên	60.059.448	60.025.200
Ông Phạm Nguyên Thăng	Thành viên	36.557.927	-
Cộng		<u><u>2.767.614.791</u></u>	<u><u>2.638.051.560</u></u>

00289
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 CẤP NƯỚC
 NINH THUẬN
 S.T. CHÀM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 2.644.741.730 VND là số tiền lãi phải thu trong năm mà chưa thu được, nhưng đã bao gồm 3.358.863.090 VND là số tiền lãi phải thu năm trước đã thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 84.365.161 VND là số cổ tức phải chi trong năm nhưng chưa thanh toán, nhưng đã bao gồm 110.205.161 là số tiền cổ tức phải chi năm trước đã được chi trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm 2.072.833.272 VND là giá trị của tài sản tăng trong năm từ hàng tồn kho đã được mua và thanh toán từ các năm trước hoặc chưa thanh toán trong năm nay; không bao gồm 377.975.188 VND là giá trị phải trả nhà cung cấp về mua sắm, xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán và đã bao gồm 58.322.460 VND là giá trị phải trả nhà cung cấp phát sinh trong năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền bù trừ tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm hàng tồn kho và tăng, giảm các khoản phải trả.

33. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông bất thường năm 2024 số 82/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã chấp thuận việc Công ty tham gia đấu giá và duy tu, sửa chữa Nhà máy cấp nước Cà Ná - Phước Nam và Hệ thống cấp nước Sơn Hải. Đại hội Đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị lập các thủ tục cần thiết để tham gia đấu giá tài sản và lựa chọn ngân hàng phù hợp để vay vốn.



Đình Ân
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

